

Số: 09/2025/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về sửa đổi, bổ sung Điều 35; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ các Điều 280, 293, 299, 303, 317, khoản 1 Điều 318, Điều 357, Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần M; địa chỉ trụ sở: tầng 12, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Đăng L, số CCCD: 034088004163; ông Nguyễn Mạnh H, số CCCD: 031096005012; bà Nguyễn Thị Minh T, số CCCD: 017196007766; ông Dương Kim C, số CCCD: 022202003183. Cùng có địa chỉ: P, tầng G Tòa nhà trung tâm thương mại H1, phường H, thành phố Hải Phòng. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy

quyền số: 3355/2025/UQ-MARS.VPB ngày 21/7/2025 và Văn bản ủy quyền số: 01/2024/UQ-GĐ ngày 19/4/2024). Ngân hàng TMCP V (V1); địa chỉ trụ sở: Tòa VPBank Tower, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: ông Dương Kim C, số CCCD: 022202003183. Địa chỉ: S Dự án T, đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 883/2025/UQ-VPBANK ngày 10/10/2025).

- *Bị đơn*: anh Dương Văn T1, sinh năm 2001; số CCCD: 031201001571; nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản vay: tính đến ngày 19 tháng 12 năm 2025 anh Dương Văn T1 còn nợ Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền là: 3.352.889.231 đồng, cụ thể:

- Công ty cổ phần M: tổng số tiền là 3.185.244.796 đồng, trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2208136488867: tổng số tiền: 2.202.957.967 đồng; trong đó: nợ gốc: 1.882.881.000 đồng; lãi trong hạn: 1.304.703 đồng; lãi quá hạn: 318.645.368 đồng; phạt chậm trả lãi: 126.896 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2312201308661: tổng số tiền: 743.312.162 đồng; trong đó: nợ gốc: 641.250.000 đồng; lãi trong hạn: 3.492.630 đồng; lãi quá hạn: 98.229.838 đồng; phạt chậm trả lãi: 339.694 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: 10097681: tổng số tiền: 238.974.640 đồng; trong đó: nợ gốc: 198.375.480 đồng; lãi trong hạn: 6.782.675 đồng; lãi quá hạn: 33.156.800 đồng; phạt chậm trả lãi: 659.685 đồng.

- Ngân hàng TMCP V (V1): tổng số tiền là 167.644.462 đồng; nợ gốc: 143.289.815 đồng; lãi trong hạn: 609.474 đồng; lãi quá hạn: 23.685.895 đồng; phạt chậm trả lãi: 59.278 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2208136488867: tổng số tiền: 115.945.157 đồng; trong đó: nợ gốc: 99.099.000 đồng; lãi trong hạn: 68.669 đồng; lãi quá hạn: 16.770.809 đồng; phạt chậm trả lãi: 6.679 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2312201308661: tổng số tiền: 39.121.692 đồng; trong đó: nợ gốc: 33.750.000 đồng; lãi trong hạn: 183.822 đồng; lãi quá hạn: 5.169.991 đồng; phạt chậm trả lãi: 17.879 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: 10097681: tổng số tiền: 12.577.613 đồng; trong đó: nợ gốc: 10.440.815 đồng; lãi trong hạn: 356.983 đồng; lãi quá hạn: 1.745.095 đồng; phạt chậm trả lãi: 34.720 đồng.

2.2. Về phương án trả khoản vay: chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, anh Dương Văn T1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ nêu trên.

Kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong, anh Dương Văn T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: LN2208136488867 ngày

08/9/2022, Hợp đồng cho vay số: LN2312201308661 ngày 29/12/2023, Hợp đồng cho vay số: 10097681 ngày 29/12/2023 được ký kết giữa anh Dương Văn T1 với Ngân hàng TMCP V (V1) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: trường hợp bị đơn anh Dương Văn T1 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên, thì nguyên đơn Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V (V1) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của anh Dương Văn T1 là: quyền sử dụng 110m² đất tại thửa đất số: 329, tờ bản đồ số: 69, diện tích 110m², tại địa chỉ: đường L, thôn Q, xã T, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 609117, số vào sổ cấp GCN: CH - 00406 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 29/6/2016 cho ông Hoàng Văn T2 và bà Lê Thị N được chuyển nhượng cho ông Dương Văn T1 ngày 15/9/2022 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Ninh theo Hợp đồng thế chấp số LN2208136488867 ngày 16/9/2022, số công chứng: 9787, quyền số: 01.2022.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 16/9/2022 tại Văn phòng C1 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp nêu trên.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V (V1), thì anh Dương Văn T1 vẫn phải có trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V (V1), đến khi trả hết nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V (V1) vẫn còn thừa, thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V (V1) có trách nhiệm trả lại cho anh Dương Văn T1.

3. Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V (V1) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh Dương Văn T1 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 49.528.892^d (bốn mươi chín triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng). Trả lại Công ty cổ phần M số tiền 45.700.000^d (bốn mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001653 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh và Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 3.900.000^d (ba triệu, chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001652 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Quảng Ninh;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Đình Khoa